TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Đời.

2. Ông Đào Hoàng Khương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/11/2019 và ngày 28/5/2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2019/TLST-DS ngày 12/9/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST-DS ngày 16/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2020/TB-TA ngày 05/5/2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **N**, sinh năm 1977. *Có mặt*

2. Bị đơn: Anh **T**, sinh năm 1971. *Có mặt*

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **T1**, địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:* Ngày 30/8/2018 anh T có vay của chị N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, có viết biên nhận, anh T có đóng lãi được 05 lần số tiền 5.000.000 đồng thì không đóng nữa. Nay yêu cầu anh T trả nợ

gốc 20.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi còn lại.

Tại phiên tòa: Chị N thay đổi yêu cầu, thống nhất số tiền anh T đã đóng lãi 5.000.000 đồng trừ vào nợ gốc. Yêu cầu anh T trả số tiền còn lại 15.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:* Anh T không có vay tiền của chị N, anh là người chạy xe ôm, ngày 30/8/2018 bà T1 có kêu anh chạy xe lại nhà của chị N lấy giùm số tiền 20.000.000 đồng, anh có đến nhà chị N lấy 20.000.000 đồng về đưa cho bà T1. Chị N có kêu anh ký nhận tiền nên anh có ký vào biên nhận, còn tiền gì thì anh không biết. Anh T không có vay tiền của chị N nên không đồng ý trả tiền cho chị N.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T trả cho chị N số tiền 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị N cho rằng anh T vay tiền nhưng không trả nên khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ vay. Do đó, xác định quan hệ pháp luật vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"*.

Anh T trình bày số tiền 20.000.000 đồng là nhận thay cho bà T1, chứ không phải anh vay nên Tòa án đã đưa bà T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị N chỉ yêu cầu anh T trả nợ, không yêu cầu vợ anh T cùng liên đới trả nợ nên Tòa án không đưa vợ anh T vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị N khởi kiện anh T yêu cầu trả số tiền vay 20.000.000 đồng có cung cấp tài liệu, chứng cứ là Giấy nhận tiền của anh T; anh T thừa nhận biên nhận chị N cung cấp là do anh nhận tiền và ký tên. Nhưng anh T trình bày số tiền đó anh nhận thay cho bà T1. Tuy nhiên, hiện nay bà T1 không có mặt địa phương, các đương sự không cung cấp được nơi cư trú hiện tại của bà T1 nên Tòa án không triệu tập bà T1 làm việc được.

Anh T trình bày số tiền này nhận thay cho bà T1 nhưng chị N không chấp

nhận lời trình bày của anh T, anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, kể cả nơi cư trú hiện nay của bà T1. Mặt khác, biên nhận tiền không thể hiện việc anh T nhận tiền là nhận giùm bà T1.

Tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu, đồng ý trừ số tiền đóng lãi 5.000.000 đồng vào tiền gốc, yêu cầu trả tiền gốc còn lại 15.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T trả số nợ còn lại là 15.000.000 đồng. Nếu anh T có tranh chấp với bà T1 có quyền khởi kiện bà T1 theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của chị N được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành, án phí phải chịu là 15.000.000 đ x 5% = 750.000 đồng. Chị N không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai đã thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị N đối với anh T; buộc anh T trả cho chị N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị N mà anh T không trả nợ thì hàng tháng anh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T chịu án phí là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mười nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006192 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận